TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ T** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2023
"V/v ly hôn giữa
Bà D và ông T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thái Quân.

Ông Huỳnh Văn Sức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2022 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm 2000.

Trú tại: Tổ 17, ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1994.

Trú tại: ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 21/03/2022 nguyên đơn Bà Võ Thị D trình bày:

Hôn nhân của Bà D và ông T do tự tìm hiểu, được sự cho phép của hai bên gia đình nên Bà D, ông T tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2018, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú A. Giấy chứng nhận

kết hôn số 44, ngày 23 tháng 04 năm 2018, chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, vợ chồng vì thế hay cải nhau, ông T lại có hành vi đánh Bà D, đời sống tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài. Đầu năm 2021 vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân ông T không tới lui thăm hỏi hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm không còn, yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông T và Bà D có 01 người con chung tên Lê Phúc A, sinh ngày 14/02/2016 con chung đang sống với Bà D, khi ly hôn Bà D yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có. Ngày 06/12/2022 Bà Võ Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Lê Văn T vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân được bà Nguyễn Thị Tạc mẹ ruột ông T cho biết: Hôn nhân của Bà D, ông T do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới năm 2015 nhưng có đăng ký kết hôn hay không thì không rõ, mâu thuẫn vợ chồng hai con như thế nào thì không biết nhưng có biết vợ chồng con cãi vả và đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay.

Vợ chồng con có một con chung tên Lê Phúc A, sinh ngày 14/02/2016 con chung hiện đang sống chung với ông T. Nay con dâu Duyên yêu cầu ly hôn tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, Tuấn hiện tại đang sống chung với bà Tạc nhưng đi làm ăn xa khoản 03 -04 tháng mới về nhà một lần rồi lại đi.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, Tuy nhiên ông Lê Văn T vắng mặt từ khi được thông báo các văn bản tố tụng, nhưng ông không có mặt là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của ông T và Bà D do tự tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên tổ chức lễ cưới năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú A ngày 23/4/2018, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống

và ly thân, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được. Nên yêu cầu ly hôn của Bà D là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Hiện tại đang sống với ông T, Bà D đồng ý tiếp tục giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, ông T không có mặt, không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội Đồng xét xử không xem xét. Đề nghị HĐXX giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Văn T được tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông không có mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông T theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hiện tại ông T có nơi cư trú tại ấp Phú Q, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

[2.] Về nội dung:

Hôn nhân của Bà D và ông T được xác lập năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Trong thời gian chung sống vợ chồng Bà D, ông T có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, đời sống tình cảm ngày càng trầm trọng. Năm 2021 Bà D, ông T ly thân, trong thời gian ly thân ông T không tới lui thăm hỏi hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, đều này phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tạc và phù hợp với các chứng cứ Tòa án thu thập được.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*…". Thế nhưng vợ chồng Bà D, ông T không còn chung sống khoảng hơn 02 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn

nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho Bà D được ly hôn ông Lê Văn T.

[3] Về con chung: Bà D trình bày vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Phúc A, sinh ngày 14/02/2016 con chung chưa thành niên, cháu Phúc Anh hiện tại đang sống chung với ông T. Bà D đồng ý tiếp tục giao con chung Phúc Anh cho ông T nuôi dưỡng, ông T vắng mặt và không yêu cầu Bà D cấp dưỡng cho con. Xét thấy từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với ông T, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu Anh cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Bà D trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điều 19, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

-Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Bà Võ Thị D được ly hôn với ông Lê Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 23/04/2018 của Ủy ban nhân dân xã Phú A không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung Lê Phúc A, sinh ngày 14/02/2016 cho ông Lê Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Con chung hiện đang sống với ông T.

Bà Võ Thị D không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không.

Nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

Về án phí: Bà Võ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005735 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Phú T, tỉnh An Giang. Bà D không phải nộp thêm án phí.

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày ông, bà nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo